TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 01 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng T1, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Hoàng T1 trình bày:

Trước đây, ông và bà Nguyễn Thị Diễm M có quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào năm 2023. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn hạnh phúc. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Diễm M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng T1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm M; Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Hoàng T1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm M nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Bà M có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông Trần Hoàng T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T1, bà M.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Trần Hoàng T1 và bà Nguyễn Thị Diễm M tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa ông T1 và bà

M phát sinh mâu thuẫn. Ông T1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn hạnh phúc, hiện tại ông không còn tình cảm với bà M nên cương quyết ly hôn. Đối với bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và cũng không hòa giải đoàn tụ cho các bên đương sự. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T1 được ly hôn với bà M.

[3.2] Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông T1 khai là không có, nhưng do chưa làm việc được với bà M nên chưa xác định được. Do đó, chưa xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Trần Hoàng T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của ông T1 cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng T1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm M. Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông T1, bà M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Hoàng T1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai số PT 40 ngày 11 tháng 10 năm

2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông T1 đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND TT Cái Tắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên